

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 107/2018/DS-ST

Ngày 18 – 12 – 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Mầm
2. Ông Hoàng Viết Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 121/2018/QĐST-DS ngày 30/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn N – sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Y W – sinh năm 1960

Địa chỉ: Buôn P, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị Ánh T1 – Đều vắng mặt

Cùng địa chỉ: Đường M, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Y W trình bày:**

Ngày 05/8/2011 ông Nguyễn Tấn N có cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 mượn số tiền 20.000.000 đồng. Vợ chồng T, T1 có hẹn trả cho ông N vào cuối

năm và ông N không tính lãi. Đến cuối năm ông N không thấy trả nên đến nhà đòi nhiều lần mà vợ chồng ông T, bà T1 không chịu trả cho ông N. Đến ngày 18/8/2014 bà T1 – vợ ông T viết vào giấy mượn tiền hứa trả cho ông N hằng tháng một tháng từ năm trăm đến một triệu đồng. Khoảng năm 2012 bà T1 có trả cho ông N được 500.000 đồng. Từ đó đến nay mặc dù ông N yêu cầu nhưng ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 cứ lẩn tránh trách nhiệm, không chịu trả nợ cho ông N.

Vì vậy, ông N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định 9%/năm tính từ ngày khởi kiện 31/7/2017 cho đến ngày mở phiên tòa.

Đối với lời khai của bà Vũ Thị Ánh T1 cho rằng bà T1 đã trả cho ông N được số tiền là 14.000.000 đồng là không đúng sự thật, đối với lời khai của bà T1 cho rằng đây là tiền một mình bà T1 nợ ông N, không có liên quan gì đến ông Trần Văn T nên bà T1 yêu cầu để một mình bà có trách nhiệm trả nợ cho ông N ở mức 200.000 đồng mỗi tháng cho ông N thì ông N không đồng ý.

**** Tại bản tự khai bị đơn bà Vũ Thị Ánh T1 trình bày:***

Tôi có quen biết với ông Nguyễn Tấn N, ngày 5/8/2011 ông N có đưa tôi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để hùn vốn đi buôn gỗ củi rồi chia lãi. Ngày 10/8/2011 tôi đã đưa cho ông N tiền lãi chuyển đầu là 3.000.000 đồng, đến năm 2014, tôi trả cho ông N 1.000.000 đồng tại đám cưới. Ngày 18/9/2015 tại đám cưới con gái tôi tôi có trả cho ông N 500.000 đồng, sau đó tôi có trả cho ông N 1.000.000 đồng tại nhà hàng Đ và còn chuyển qua bưu điện cho ông N 3.500.000 đồng. Ngoài ra nhiều lần ông N có cho cháu ông N tên là H đến nhà tôi lấy tiền nhiều lần. Tổng số tiền tôi đã trả cho ông N là 14.000.000 đồng. Hiện tôi chỉ còn nợ ông N 6.000.000 đồng chẵn. Tôi có nguyện vọng sẽ trả cho ông N mỗi tháng 200.000 đồng vì hiện giờ vợ chồng tôi không còn khả năng trả nợ. Khoản nợ này mình tôi là Vũ Thị Ánh T1 chịu trách nhiệm trước pháp luật, không liên quan gì đến chồng tôi ông Trần Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành mở phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng bị đơn ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 đều vắng mặt.

Kết quả xác minh tại địa phương: Ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Hiện nay ông Trần Văn T và bà Vũ Thị Ánh T1 trú tại Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- Về phần thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N là có căn cứ. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 có trách nhiệm trả cho ông N tổng số tiền gốc là 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm

ngàn đồng) và lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định 9%/năm tính từ ngày khởi kiện 31/7/2017 cho đến ngày mở phiên tòa.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N, HĐXX nhận thấy: Ngày 05/8/2011 ông Trần Văn T viết giấy tay nhận của ông Nguyễn Tấn N số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 18/8/2014 bà Vũ Thị Ánh T1 có ghi vào giấy mượn tiền hàng tháng vào ngày 18 sẽ trả cho ông N 500.000 đồng hoặc có hơn thì trả 1.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy bà Vũ Thị Ánh T1 không ký vào người mượn tiền nhưng bà T1 biết và có hẹn ngày trả nợ cho ông Nguyễn Tấn N. Như vậy, ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 có nhận của ông Nguyễn Tấn N tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tấn N thừa nhận bà Vũ Thị Ánh T1 đã trả cho ông N được 500.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn N yêu cầu ông Trần Văn T và bà Vũ Thị Ánh T1 trả cho ông N số tiền nợ gốc còn lại là 19.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của bà Vũ Thị Ánh T1 khai rằng bà T1 cho rằng bà đã nhiều lần trả nợ cho ông N với tổng số tiền là 14.000.000 đồng, số tiền mà bà T1 còn nợ ông N là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên ý kiến này của bà T1 không được ông N chấp nhận và bà T1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Về lãi suất, tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 phải trả lãi suất cho ông với mức 9%/năm tính từ ngày khởi kiện 31/7/2017 cho đến ngày mở phiên tòa là tự nguyện và phù hợp, cần chấp nhận

buộc ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 phải trả cho ông N số tiền lãi là $(19.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}) \times (16 \text{ tháng} + 17 \text{ ngày}) = 2.418.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn T và bà Vũ Thị Ánh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là:

$21.918.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.096.000 \text{ đồng}$ (một triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng - làm tròn)

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tấn N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N.

Buộc ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn N tổng số tiền 21.918.000 đồng, trong đó 19.500.000 đồng nợ gốc và 2.418.000 đồng nợ lãi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Đình chỉ phần yêu cầu của ông Nguyễn Tấn N đề nghị buộc ông Trần Văn T, bà Vũ Thị Ánh T1 trả số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

*** Về án phí:** Bị đơn ông Trần Văn T và bà Vũ Thị Ánh T1 phải chịu 1.096.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tấn N số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí mà Nguyễn Tấn N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001036 ngày 07/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang